UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG

Số: 52 /GCN-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đề ngày 20/6/2025 của Liên hiệp khảo sát địa chất – Xử lý nền móng công trình; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03/7/2025, ngày 15/8/2025; Báo cáo số 01/2025/BC-LHKS ngày 24/7/2025 của Liên hiệp khảo sát địa chất – Xử lý nền móng công trình (gửi Sở Xây dựng ngày 29/7/2025) về việc báo cáo khắc phục nội dung kết quả đánh giá.

CHỨNG NHẬN:

1. Liên hiệp khảo sát địa chất – Xử lý nền móng công trình.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số đăng ký A-037 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 26/5/2022

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, nhà 80A, phố Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Địa điểm hoạt động: Phòng 1201, nhà N2D, đường Lê Văn Lương, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.5563525

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật – Kiểm định chất lượng công trình.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 11 nhà C2 Tập thể Công ty cầu 6 Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội.

Phòng thí nghiệm đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo các chỉ tiêu nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD HAN.008**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Liên hiệp khảo sát địa chất – Xử lý nền móng công trình;
- Bộ Xây dựng; (để b/c)
- Đ/c Giám đốc Sở XD; (để b/c)
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;
- Viện KHCN&KTXD HN;
- Lưu: VT, GĐCL(H.N.Duy-02b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thế Công

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật – Kiểm định chất lượng công trình, mã số LAS-XD HAN.008 thuộc Liên hiệp khảo sát địa chất – Xử lý nền móng công trình)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG**	
1	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
2	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
3	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
4	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
5	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012
6	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
7	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
8	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
9	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
10	Xác định góc nghỉ của đất rời (tự nhiên, bão hòa)	TCVN 8724:2012
11	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
12	Xác định khối lượng thể tích lớn nhất, nhỏ nhất	TCVN 8721:2012
13	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
14	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
II	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
15	Xác định thành phần hạt và modun độ lớn	TCVN 7572-2:2006
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
18	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006
19	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
20	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu lớn và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
21	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
22	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
23	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa trong đá dăm (sỏi)	TCVN 7572-17:2006
24	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
25	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
III	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
26	Cọc: phương pháp thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
27	Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321:2016
28	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
29	Thí nghiệm nhổ và nén ngang cọc	ASTM D3966-2007
30	Đánh giá độ bền của các kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
31	Xác định mô đuyn đàn hồi bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
32	Xác định mô đuyn đàn hồi bằng cần Benkenman	TCVN 8867:2011
33	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
34	Độ ẩm, khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (phương pháp dao đai)	TCVN 12791:2020
35	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (phương pháp rót cát)	TCVN 8729:2012
36	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
37	Thí nghiệm xác định modul biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng (Thí nghiệm nén nền)	TCVN 9354:2012

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.